TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày 30/9/2020
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Ngô Tiến Hóa.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2020/TLST-DS, ngày 04/5/2020 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS, ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đăk W, huyện Đăk R'L, tỉnh Đăk N – Có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn*:** Anh Lê Sỹ C, sinh năm 1980 và chị Trương Thị Bích H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bon Mê R, xã Quảng T, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N – Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Vũ Đình C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đăk W, huyện Đăk R'L, tỉnh Đắk N.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Cường: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đăk W, huyện Đăk R'L, tỉnh Đắk N – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 2019, vợ chồng tôi cho vợ chồng chị Trương Thị Bích H vay số tiền 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* thời hạn trả nợ không ghi ngày cụ thể nhưng hai bên thống nhất đến mùa tiêu (vào tháng 02/2020) sẽ trả đủ, sau đó tôi có ghi trong giấy vay tiền là ngày 15/02/2020. Giấy vay tiền này thực chất là việc chốt nợ mua phân bón, vật tư nông nghiệp, bán cà phê non và vay tiền mặt từ các năm trước giữa vợ chồng chị Trương Thị Bích H với vợ chồng tôi. Đến ngày 31/12/2019 sau khi đối chiếu công nợ, hai bên đã thỏa thuận tiền gốc và

tiền lãi là 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* đồng thời hủy tất cả các giấy tờ cũ. Trong giấy nợ này chỉ có mình chị Trương Thị Bích H ký tên (không có tên của chồng chị H là anh C) nhưng việc nợ nần này chồng chị Trương Thị Bích H là anh Lê Sỹ C có biết. Vì khi đến hạn thanh toán vợ chồng tôi có gặp vợ chồng chị Trương Thị Bích H để yêu cầu thanh toán nợ thì chị Trương Thị Bích H nói đến mùa vụ thu cà phê, tiêu sẽ trả cho chúng tôi, còn anh Lê Sỹ C nói nếu đến mùa vụ không đủ tiền trả thì sẽ bán rẫy để trả cho chúng tôi nhưng họ cứ khất lần khất hồi cho đến nay vẫn chưa trả được đồng nào như đã thỏa thuận. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết, buộc vợ chồng chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải trả số tiền 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* và tiền lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

* *Bị đơn chị Trương Thị Bích H trình bày*:

Ngày 31/12/2019 giữa tôi và chị H có làm giấy vay số tiền 1.190.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* là có thật hai bên có làm giấy tờ tay với nhau, giấy này do chị Nguyễn Thị H giữ. Đây là số tiền chốt nợ mua phân bón, vật tư nông nghiệp và bán cà non năm 2017 và năm 2018 giữa tôi với chị Nguyễn Thị H. Tôi mua phân bón, vật tư nông nghiệp để đầu tư, chăm sóc vườn rẫy của gia đình, việc này chồng tôi là anh Lê Sỹ C có biết và đây là nợ chung của vợ chồng chúng tôi nhưng do anh C không biết chữ nên anh C không ký tên vào giấy vay tiền được. Khi đến hạn trả tiền (ngày 15/02/2020) thì vợ chồng chị H có đến gặp vợ chồng tôi yêu cầu trả nợ. Nhưng do kinh tế khó khăn, giá nông sản xuống thấp nên vợ chồng tôi xin khất nợ nhiều lần, chưa trả được tiền cho vợ chồng chị H, anh C. Thời gian gần đây chồng tôi bị bệnh nên chỉ ở nhà từ 01 đến 02 ngày rồi lại phải đi khám, chữa bệnh. Vừa rồi tôi có thông báo về việc Tòa án mời lên làm việc nhưng chồng tôi nói không về được, nói tôi bán hết rẫy nương đi để trả nợ. Nhưng chồng tôi chỉ nói vậy chứ không làm thủ tục ủy quyền gì cho tôi, giữa hai vợ chồng không làm giấy tờ gì. Về thời gian ghi trong giấy vay tiền đề ngày 31/12/2019 ghi thời hạn trả vào ngày 15/02/2020 thì tôi không đồng ý. Vì khi làm giấy này không nói thời gian cụ thể phải trả, trước khi ký tên thì tôi cũng đã đọc lại nội dung và không thấy ghi ngày trả nhưng hai thống nhất vào mùa tiêu năm 2020 (khoảng tháng 02/2020) sẽ trả và chị Hà đồng ý cho tôi trả dần.

Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện, tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, giá nông sản xuống thấp, chồng tôi bị bệnh nên tôi xin được trả dần mỗi năm là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* khi nào tôi bán được đất thì tôi trả hết nợ cho vợ chồng chị H. Còn nếu vợ chồng chị H đồng ý mua toàn bộ số đất của tôi với giá 800.000.000 đồng *(Tám trăm triệu đồng)/ha* (đối với hai thửa đất 2,6ha và 1,4ha) thì tôi đồng ý bán hết vì còn liên quan đến việc nước tưới nên tôi không tách riêng mà phải bán hết (hai thửa đất này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình C và người đại diện

theo ủy quyền của anh C trình bày: Ngày 31/12/2019 vợ chồng tôi cho vợ chồng anh Lê Sỹ C và chị Trương Thị Bích H vay số tiền là 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* hẹn đến ngày 15/02/2020 sẽ thanh toán. Tuy nhiên khi đến hạn thì anh C, chị H không thanh toán theo thỏa thuận với vợ tôi, lời trình bày của vợ tôi là đúng, tôi không bổ sung gì thêm. Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ tôi.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải trả số tiền 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* và tiền lãi suất quá hạn từ ngày 16/02/2020 cho đến khi kết thúc vụ án theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình vắng mặt không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.264.015.000 đồng *(Một tỷ hai trăm sáu mươi tư triệu không trăm mười lăm nghìn đồng)*. Trong đó tiền gốc 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)*; Tiền lãi quá hạn là 74.015.000 đồng *(Bảy mươi bốn triệu không trăm mười lăm nghìn đồng)*. (Tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày 30/9/2020 là 1.190.000.000 x 0,833%/tháng x 7 tháng 14 ngày).

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 27.750.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000846, ngày 28/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị H với vợ chồng chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C (vợ chồng chị H và anh C vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay). Bị đơn chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C cư trú tại Bon Mê R, xã Quảng T, huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về thời hạn trả nợ đồng thời chị Trương Thị Bích H không hợp tác với Tòa án để tham gia các buổi hòa giải. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho chị Bích H và anh C theo thủ tục chung của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 14/9/2020 chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 31/12/2019 sau khi đối chiếu công nợ, hai bên đã thỏa thuận tiền gốc và tiền lãi là 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* vợ chồng chị Nguyễn Thị H cho vợ chồng chị Trương Thị Bích H vay số tiền 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* thời hạn thanh toán hai bên thống nhất đến mùa tiêu (vào tháng 02/2020) sẽ trả, sau đó có ghi trong giấy nợ ngày 15/02/2020. Do chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C không trả được nợ nên chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải trả số tiền 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* và tiền lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[4] Xuất phát từ hợp đồng mua bán phân bón, bán cà phê non và vay tiền mặt chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị Nguyễn Thị H. Sau đó hai bên đã chuyển số nợ gồm tiền mua bán phân bón, bán cà phê non thành tiền vay nhưng không thỏa thuận về lãi suất (giấy đề ngày 31/12/2019 thời hạn trả nợ đến ngày 15/02/2020). Do chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)* đồng và lãi suất quá hạn từ ngày 16/02/2020 cho đến khi kết thúc vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, do giấy chốt nợ đề ngày 31/12/2019 không đề cập đến lãi suất nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất quá hạn được tính là 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng).

Như vậy chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Đình C số tiền 1.264.015.000 đồng *(Một tỷ hai trăm sáu mươi tư triệu*

không trăm mười lăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)*; Tiền lãi quá hạn là 74.015.000 đồng *(Bảy mươi bốn triệu không trăm mười lăm nghìn đồng)*. (Tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày 30/9/2020 là 1.190.000.000 x 0,833%/tháng x 7 tháng 14 ngày).

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Đình C số tiền số tiền 1.264.015.000 đồng *(Một tỷ hai trăm sáu mươi tư triệu không trăm mười lăm nghìn đồng)*. Trong đó tiền gốc 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)*; Tiền lãi quá hạn là 74.015.000 đồng *(Bảy mươi bốn triệu không trăm mười lăm nghìn đồng)*. (Tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày 30/9/2020 là 1.190.000.000 x 0,833%/tháng x 7 tháng 14 ngày).

[6] Về án phí: Án phí dân sự là 49.920.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*. Buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 49.920.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 27.750.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000846, ngày 28/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C.

Buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Đình C số tiền 1.264.015.000 đồng *(Một tỷ hai trăm sáu mươi tư triệu không trăm mười lăm nghìn đồng)*. Trong đó tiền gốc 1.190.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng)*; Tiền lãi quá hạn là 74.015.000 đồng *(Bảy mươi bốn triệu không trăm mười lăm nghìn đồng)*. (Tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày 30/9/2020 là 1.190.000.000 x 0,833%/tháng x 7 tháng 14 ngày).

Nếu chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C chậm trả số tiền nêu trên thì chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Án phí dân sự là 49.920.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*. Buộc chị Trương Thị Bích H và anh Lê Sỹ C phải chịu

toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 49.920.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 27.750.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000846, ngày 28/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đăk N.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk N;
- VKSND huyện Tuy Đ;
- Chi cục THADS huyệnTuy Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phan Long Ca